

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty CP Tư Vấn Kiểm Định Qua Vi Co và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 21/02/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty CP Tư Vấn Kiểm Định Qua Vi Co.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000938731. Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 9 năm 2013.

Đăng ký thay đổi lần thứ 2: Ngày 22 tháng 01 năm 2025

Địa chỉ: Số 100 Phạm Văn Đồng, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 0963674688

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 100 Phạm Văn Đồng, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 46.008 (*)

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Tư Vấn Kiểm Định Qua Vi Co;
- Bộ Xây dựng (B/cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu VT, QLXD.

GIÁM ĐỐC

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 46.008
(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-SXD, ngày tháng 02 năm 2025
của Giám đốc Sở Xây dựng Quảng Nam)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM XI MĂNG		
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
5.	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3108:1993
6.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
7.	Phương pháp phân tích thành phần	TCVN 3110:1993
8.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
9.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
10.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3115:2022
11.	Phương pháp xác định cường độ nén	TCVN 3118:2022
12.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
13.	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
14.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
15.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
16.	Xác định thành phần thạch hạt	TCVN 7572-3:2006
17.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
18.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
19.	Xác định khối lượng thể tích xấp và độ hong	TCVN 7572-6:2006
20.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
21.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
22.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
23.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm	TCVN 7572-10:2006
24.	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
25.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
26.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
27.	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
28.	Xác định hệ số (ES)	ASTM D 2419:22
THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG		
29.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
30.	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:2012
31.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
32.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
33.	Xác định sức chống cắt bằng máy cắt phẳng	TCVN 4199: 2012
34.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
35.	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790: 2020 22TCN 333:2006
36.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
37.	Sức chịu tải CBR	TCVN 12792:2020; 22TCN 332:06
38.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012 ASTM D 2434:2000
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG VÀ LIÊN KẾT HÀN		
39.	Thử kéo thép, kéo bu lông, ốc vít	TCVN 197:2014; ASTM A370
40.	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A438
41.	Cốt thép bê tông-Thử kéo mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
42.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
43.	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022
44.	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
45.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
46.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
47.	Xác định độ hút nước mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
BÊ TÔNG NHỰA		
48.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11 ASTM D6927
49.	Hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11
50.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
51.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; ASTM D2041
52.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
53.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11 ASTM D3203
54.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11 ASTM D3203
55.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
56.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11 ASTM D6927
BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA		
57.	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884:2020 ASTM D5329
58.	Xác định độ ẩm	TCVN 12884:2020 ASTM D5329
59.	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884:2020 ASTM D5329
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
60.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1 : 2009
61.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2 : 2009
62.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3 : 2009
63.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4 : 2009
64.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5 : 2009
65.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6 : 2009
66.	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7 : 2009
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
67.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, xác định độ hút nước	TCVN 6476:2011 ASTM C140
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
68.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
69.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
70.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016
71.	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT		
72.	Kiểm tra kích thước; độ hút nước và khối lượng thể tích khô	TCVN 4732:2016
THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO		
73.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ uốn; Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP		
74.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
75.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 12791:2020
76.	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8728:2012, TCVN 8729:2012
77.	Độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
78.	PP thử nghiệm modul đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
79.	XĐ môđul đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
80.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
81.	Đo điện trở đất	TCVN 9385: 2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.
